

DANH SÁCH SV K37
NGÀNH TLGD NHẬN HỌC
BỔNG KHUYẾN KHÍCH
HỌC TẬP
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2011 -
2012

Kèm theo Quyết định số
2097/QĐ-ĐHSP ngày
19.10.2012

STT	TMS	Họ	Tên	Điểm	Điểm	Số
		SV	m	m	tiền	
			TB	RL		
1	K37	Ngu Anh	3.1480	120		
		.611 yễn		000		
		.001 Thị		0		
		Ngo				
		c				
2	K37	Đỗ Diễm	3.1875	120		
		.611 Thị m		000		
		.004 Hồn		0		
		g				
3	K37	Ngu Hiế	3.5291	150		
		.611 yễn u		000		
		.015 Tru		0		
		ng				
4	K37	Ngu Hươ	3.1477	120		
		.611 yễn ng		000		
		.021 Hoà		0		
		ng				
		Xuâ				
		n				
5	K37	Lê Lan	3.1480	120		
		.611 Thị		000		
		.026		0		
6	K37	Phạ Lan	3.1880	120		
		.611 m		000		
		.027 Thị		0		
		Thu				
7	K37	Ngu Lộc	3.2588	150		
		.611 yễn		000		
		.033 Bìn		0		
		h N				
		guy				
		ên				
8	K37	Huỳnh Ly	3.2784	150		
		.611 nh		000		
		.035 Thị		0		
		Trú				
		c				

9	K37Đin Phư 3.25 83	150
	.611 h ơng	000
	.043 Thị	0
	Min	
	h	
10	K37Trầ Tha 3.11 75	120
	.611 n nh	000
	.046 Lý	0
	Ngọ	
	c	
11	K37Pha Thù 3.25 81	150
	.611 n M y	000
	.049 inh	0
	Phư	
	ơng	
12	K37Võ Y 3.43 87	150
	.611 Ngu	000
	.060 yên	0
	Duy	
13	K37Vũ Duy 3.32 90	150
	.611 Thị ên	000
	.065	0
14	K37Ngu Huy 3.25 91	150
	.611 yễn	000
	.075 Hoà	0
	ng	
	Bảo	
15	K37Đin Ly 3.09 79	120
	.611 h	000
	.083 Thị	0
	Sao	
16	K37Huỳnh Min 3.41 84	150
	.611 nh h	000
	.085 Vũ	0
	Phư	
	ớc	
17	K37Ngu Tài 3.45 81	150
	.611 yễn	000
	.101 Phát	0
18	K37Lê Tha 3.23 91	150
	.611 Thị nh	000
	.102 Yễn	0
19	K37Ngu Thả 3.11 82	120
	.611 yễn o	000
	.105 Lê	0
	Phư	
	ơng	
20	K37Ngu Vân 3.2 83	150
	.611 yễn	000
	.120 Thị	0

Cả
m

Danh
sách xét
thêm

1	K37 Đản Hươ2.93 90	120
	.611 g ng	000
	.022 Thị	0
	Cả	
	m	
2	K37 Phạ Khu 3.05 89	120
	.611 m Dê	000
	.024 ươn	0
	g	
3	K37 Huỳ Mai 3.05 74	120
	.611 nh	000
	.036	0
4	K37 Bùi Phụ 3.02 79	120
	.611 Lin ng	000
	.041 h	0
5	K37 Ngu Phú 2.95 85	120
	.611 yễn c	000
	.042 Hữu	0
6	K37 Lê Quả 3.07 92	120
	.611 Văn ng	000
	.044	0
7	K37 Vũ Uyê 2.93 71	120
	.611 Hoà n	000
	.056 ng P	0
	hươ	
	ng	
8	K37 Võ Nhi 3.07 90	120
	.611 Thị	000
	.096 Ý	0
9	K37 Cao Tha 2.95 85	120
	.611 Thủ nh	000
	.103 y Ph	0
	ươn	
	g	
10	K37 Đoà Trọ 2.93 89	120
	.611 n M ng	000
	.111 inh	0
11	K37 Trà Viễ 2.98 75	120
	.611 n n	000
	.122 Thị	0
	Hoà	
	i	
12	K37 Ngu Xuâ 3.02 84	120

	.611 yễn n	000
	.124 Thị	0
13	K37 Ngu Xuy 3.02 84	120
	.611 yễn ến	000
	.125 Thị	0
14	K37 Trà Yên 2.98 77	120
	.611 n	000
	.126 Thị	0
	Hồn	
	g	